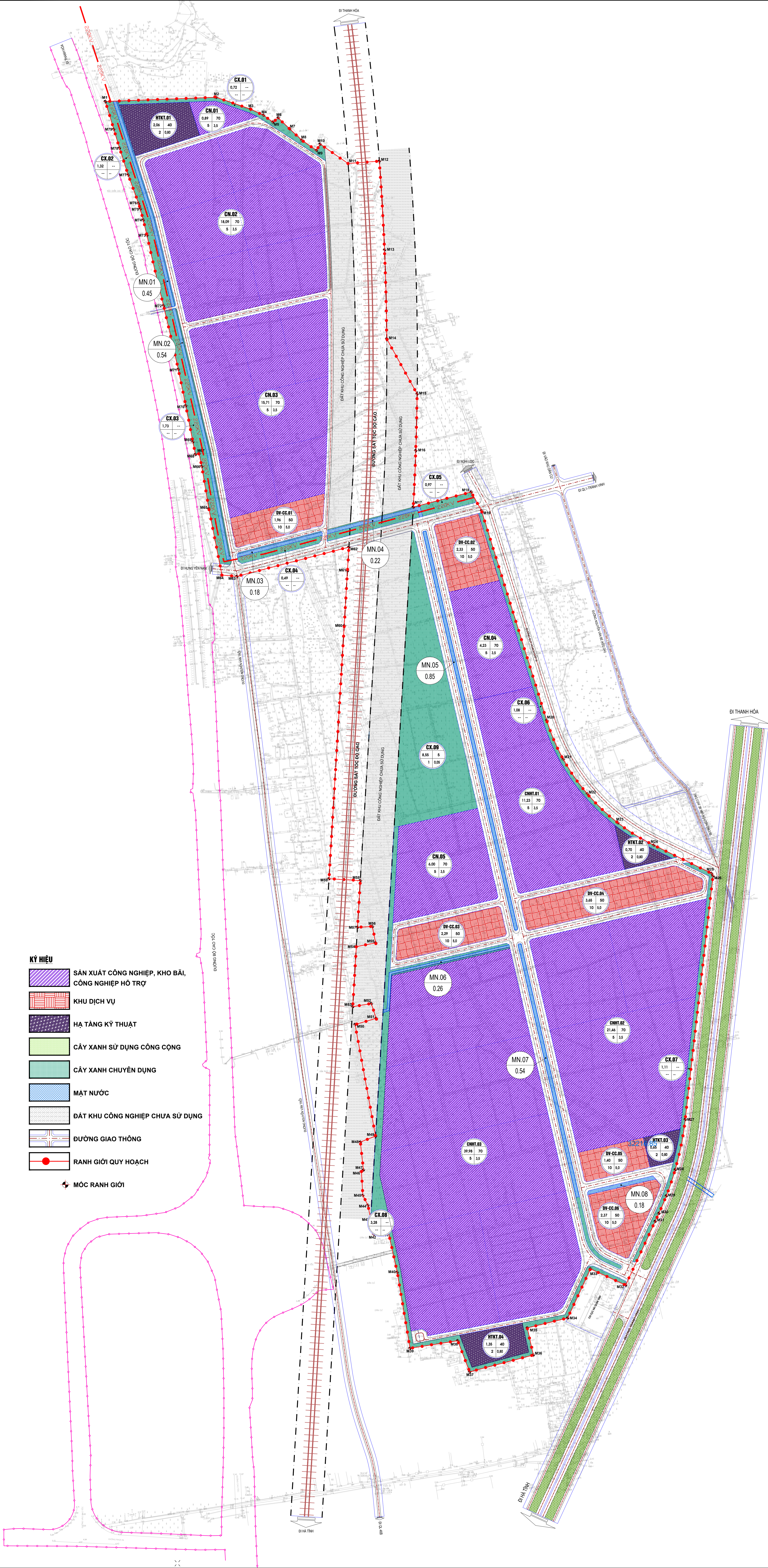
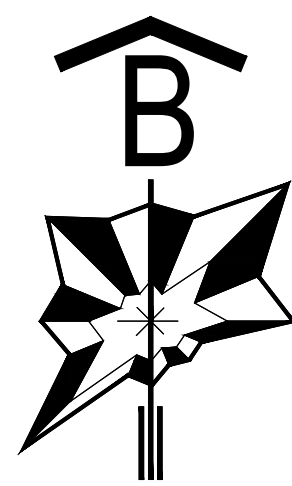




KÝ HIỆU

- SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP, KHO BÃI, CÔNG NGHIỆP HỖ TRỢ
- KHU DỊCH VỤ
- HẠ TẦNG KỸ THUẬT
- CÂY XANH SỬ DỤNG CÔNG CỘNG
- CÂY XANH CHUYỂN DỤNG
- MẶT NƯỚC
- ĐẤT KHU CÔNG NGHIỆP CHƯA SỬ DỤNG
- ĐƯỜNG GIAO THÔNG
- RANH GIỚI QUY HOẠCH



MỐC RANH GIỚI

Bảng tổng hợp chỉ tiêu quy hoạch kiến trúc						
Stt	Chức năng lớn	Ký hiệu	Diện tích (ha)	MBXD tối đa (%)	Tầng cao tối đa (tầng)	Hệ số SDD (tần)
Tổng			216.04			
A	Đất xây dựng Khu công nghiệp (Giai đoạn 1)		181.12			100.00
1	Đất sản xuất công nghiệp, kho bãi	CN	117.59	70	5	3.5
1.1	Đất sản xuất công nghiệp, kho bãi	CN	44.92	70	5	3.5
	Đất sản xuất công nghiệp, kho bãi 01	CN.01	0.89	70	5	3.5
	Đất sản xuất công nghiệp, kho bãi 02	CN.02	18.09	70	5	3.5
	Đất sản xuất công nghiệp, kho bãi 03	CN.03	15.71	70	5	3.5
	Đất sản xuất công nghiệp, kho bãi 04	CN.04	4.23	70	5	3.5
	Đất sản xuất công nghiệp, kho bãi 05	CN.05	6.00	70	5	3.5
1.2	Đất sản xuất công nghiệp hỗ trợ	CNHT	72.67	70	5	3.5
	Đất sản xuất công nghiệp hỗ trợ 01	CNHT.01	11.23	70	5	3.5
	Đất sản xuất công nghiệp hỗ trợ 02	CNHT.02	21.46	70	5	3.5
	Đất sản xuất công nghiệp hỗ trợ 03	CNHT.03	39.98	70	5	3.5
2	Đất dịch vụ (thành phố chính - dịch vụ)	DV-CC	14.00	50	10	5.0
	Đất dịch vụ - công cộng 01	DV-CC.01	1.96	50	10	5.0
	Đất dịch vụ - công cộng 02	DV-CC.02	2.33	50	10	5.0
	Đất dịch vụ - công cộng 03	DV-CC.03	2.29	50	10	5.0
	Đất dịch vụ - công cộng 04	DV-CC.04	3.65	50	10	5.0
	Đất dịch vụ - công cộng 05	DV-CC.05	1.4	50	10	5.0
	Đất dịch vụ - công cộng 06	DV-CC.06	2.37	50	10	5.0
3	Hạ tầng kỹ thuật	HTKT	4.76	40	2	0.8
	Đất công trình hạ tầng kỹ thuật (Trạm xử lý nước thải)	HTKT.01	2.06	40	2	0.8
	Đất công trình hạ tầng kỹ thuật khác	HTKT.02	0.7	40	2	0.8
	Đất công trình hạ tầng kỹ thuật khác	HTKT.03	0.65	40	2	0.8
	Đất công trình hạ tầng kỹ thuật khác	HTKT.04	1.35	40	2	0.8
4	Đất cây xanh chuyên dụng, mặt nước	CX	22.47	5	1	0.05
4.1	Đất cây xanh chuyên dụng (cách ly)	CX	10.70			5.91
	Đất cây xanh chuyên dụng (cách ly) 01	CX.01	0.72			
	Đất cây xanh chuyên dụng (cách ly) 02	CX.02	1.32			
	Đất cây xanh chuyên dụng (cách ly) 03	CX.03	1.73			
	Đất cây xanh chuyên dụng (cách ly) 04	CX.04	0.49			
	Đất cây xanh chuyên dụng (cách ly) 05	CX.05	0.97			
	Đất cây xanh chuyên dụng (cách ly) 06	CX.06	1.08			
	Đất cây xanh chuyên dụng (cách ly) 07	CX.07	1.11			
	Đất cây xanh chuyên dụng (cách ly) 08	CX.08	3.28			
4.2	Đất cây xanh sử dụng công cộng	CX.09	8.55	5	1	0.05
4.3	Đất mặt nước		3.22			1.78
	Mặt nước 01	MN.01	0.45			
	Mặt nước 02	MN.02	0.54			
	Mặt nước 03	MN.03	0.18			
	Mặt nước 04	MN.04	0.22			
	Mặt nước 05	MN.05	0.85			
	Mặt nước 06	MN.06	0.26			
	Mặt nước 07	MN.07	0.54			
	Mặt nước 08	MN.08	0.18			
5	Đất giao thông		22.30			12.30
5.1	Đất giao thông đối ngoại		2.02			
5.2	Đất giao thông nội bộ khu công nghiệp		20.28			
B	Đất đường sắt tốc độ cao		15.41			
C	Đất khu công nghiệp chưa sử dụng (giai đoạn 2)		19.51			

Bảng tổng hợp chỉ tiêu quy hoạch kiến trúc						
Stt	Chức năng	Ký hiệu	Diện tích (ha)	Tỉ lệ (%)	MBXD tối đa (%)	Tầng cao tối đa (tầng)
Tổng			216.04			
A	Đất xây dựng Khu công nghiệp (Giai đoạn 1)		181.12	100.00		
1	Đất sản xuất công nghiệp, kho bãi	CN, CNHT	117.59	64.93	70	5
1.1	Đất sản xuất công nghiệp, kho bãi	CN	44.92		70	5
1.2	Đất sản xuất công nghiệp, kho bãi	CNHT	72.67		70	5
2	Đất dịch vụ (thành phố chính - dịch vụ)	DV-CC	14.00	7.73	50	10
3	Hạ tầng kỹ thuật	HTKT	4.76	2.63	40	2
4	Đất cây xanh chuyên dụng, mặt nước	CX	22.47	12.41	5	1
4.1	Đất cây xanh chuyên dụng (cách ly)		10.7	5.91		
4.2	Đất cây xanh sử dụng công cộng		8.55	4.72		
4.3	Đất mặt nước		3.22	1.78		
5	Đất giao thông		22.3	12.30		
5.1	Đất giao thông đối ngoại		2.02			
5.2	Đất giao thông nội bộ khu công nghiệp		20.28			
B	Đất đường sắt tốc độ cao		15.41			
C	Đất khu công nghiệp chưa sử dụng (giai đoạn 2)		19.51			

CƠ QUAN THẨM ĐỊNH VÀ PHÉ DUYỆT	BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ ĐÔNG NAM NGHỆ AN		
TRƯỞNG BAN	PHÒNG XÂY DỰNG VÀ MÔI TRƯỜNG		
KÈM THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ	NGÀY	THÁNG	NĂM 2025
CƠ QUAN THỎA THUẬN	ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ HUNG NGUYỄN		
KÈM THEO BẢO CÁO SỐ	NGÀY	THÁNG	NĂM 2025
CƠ QUAN TỔ CHỨC LẬP QUY HOẠCH	CÔNG TY TNHH VSIP NGHỆ AN		
KÈM THEO TỜ TRÌNH SỐ	NGÀY	THÁNG	NĂM 2025
DỰ ÁN - ĐỊA ĐIỂM	ĐIỀU CHỈNH CỤC BỘ QUY HOẠCH PHẦN KHU KHU CÔNG NGHIỆP SỐ 8 (TỈ LỆ 1/2000)		
TÊN BẢN VẼ	ĐỊA ĐIỂM : XÃ HUNG NGUYỄN - TỈNH NGHỆ AN		
BẢN ĐỒ QUY HOẠCH TỔNG MẬT BẢNG SỬ DỤNG ĐẤT			
KÝ HIỆU: QH-02	GHEP: 1A0	TỈ LỆ	NĂM 2025
THIẾT KẾ	KTS. PHẠM THỊ HỒNG NGÁT		
CHỦ TRÌ	KTS. VŨ AN GIANG		
CHỦ NHIỆM	KTS. VŨ AN GIANG		
GIÁM ĐỐC TT	KS. PHÍ ĐỨC HUY		
QL,K.T	KTS. HƯA VIỆT TRÍ		
P. TỔNG GIÁM ĐỐC			
KS. BÙI MINH KHÁNH			
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VÀ ĐÔ THỊ VIỆT NAM			
ĐỊA CHỈ: TẦNG 8-11, SỐ 10 HOÀ LƯU, P. HAI BÀ TRUNG, TP. HÀ NỘI			
TEL: 04.22225368 FAX: 04.22206368			